

TỔNG CỤC HẢI QUAN

NỘI DUNG THI THEO CÁC CHỨC DANH DỰ TUYỂN

(Ban hành kèm theo Thông báo về việc tuyển dụng công chức cho lực lượng thuyền viên và huấn luyện viên chó nghiệp vụ Tổng cục Hải quan năm 2022)

I. Vòng 1. Thi trắc nghiệm trên giấy.

1. Phần I: Kiến thức chung:

Hiểu biết chung về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng và Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; quản lý hành chính nhà nước; công chức, công vụ; tổ chức bộ máy, chức năng nhiệm vụ của các đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan. Thời gian thi 60 phút và sử dụng ngân hàng đề thi chung cho tất cả các chức danh dự tuyển, bao gồm quy định tại các văn bản sau:

- Hệ thống chính trị và tổ chức bộ máy nhà nước:

- (1) Hiến pháp năm 2013;
- (2) Luật tổ chức chính phủ số 76/2017/QH 13;
- (3) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ số 76/2015/QH13;
- (4) Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- (5) Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ.

- Công chức, công vụ.

- (1) Luật Cán bộ, công chức năm 2008;
- (2) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức số 22/2008/QH12 và Luật Viên chức số 58/2010/QH12;
- (3) Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức;
- (4) Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;
- (5) Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/08/2020 của Chính Phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức.

- Hệ thống tổ chức bộ máy, chức năng nhiệm vụ ngành Hải quan

(1) Quyết định số 65/2015/QĐ-TTg ngày 17/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính;

(2) Quyết định số 1919/QĐ-BTC ngày 06/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

(3) Quyết định số 1384/QĐ-BTC ngày 20/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Kiểm tra sau thông quan trực thuộc Tổng cục Hải quan;

(4) Quyết định số 1385/QĐ-BTC ngày 20/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Giám sát quản lý về hải quan trực thuộc Tổng cục Hải quan;

(5) Quyết định số 1386/QĐ-BTC ngày 20/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý rủi ro trực thuộc Tổng cục Hải quan;

(6) Quyết định số 1387/QĐ-BTC ngày 20/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thuế xuất nhập khẩu trực thuộc Tổng cục Hải quan;

(7) Quyết định số 1388/QĐ-BTC ngày 20/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Kiểm định hải quan trực thuộc Tổng cục Hải quan;

(8) Quyết định số 1399/QĐ-BTC ngày 20/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Điều tra chống buôn lậu trực thuộc Tổng cục Hải quan;

(9) Quyết định số 1052/QĐ-BTC ngày 16/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Công nghệ thông tin và thông kê hải quan trực thuộc Tổng cục Hải quan;

(10) Quyết định số 1066/QĐ-BTC ngày 16/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng thuộc Tổng cục Hải quan;

(11) Quyết định số 1068/QĐ-BTC ngày 16/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Tài vụ- Quản trị trực thuộc Tổng cục Hải quan;

(12) Quyết định số 1069/QĐ-BTC ngày 16/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Vụ Tổ chức cán bộ thuộc Tổng cục Hải quan;

(13) Quyết định số 1048/QĐ-BTC ngày 16/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Vụ Hợp tác quốc tế thuộc Tổng cục Hải quan;

(14) Quyết định số 1050/QĐ-BTC ngày 16/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Vụ Thanh tra-Kiểm tra thuộc Tổng cục Hải quan;

(15) Quyết định số 1051/QĐ-BTC ngày 16/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Vụ Pháp chế thuộc Tổng cục Hải quan;

2. Phần II: Ngoại ngữ:

- Đối với ngạch Kiểm tra viên trung cấp hải quan (08.052): tiếng Anh gồm 30 câu hỏi, thời gian thi 30 phút; nội dung thi: tiếng Anh tương đương trình độ bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Đối với ngạch Nhân viên hải quan (08.053): Không yêu cầu thi.

3. Phần III: Tin học:

- Đối với ngạch Kiểm tra viên trung cấp hải quan (08.052): gồm 30 câu hỏi, thời gian thi 30 phút; nội dung thi: theo chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

- Đối với ngạch Nhân viên hải quan (08.053): Không yêu cầu thi.

II. Vòng 2. Thi phỏng vấn môn nghiệp vụ chuyên ngành.

Hiểu biết về chính sách, pháp luật Hải quan và công tác chống buôn lậu trong ngành Hải quan; kiến thức, năng lực, kỹ năng thực thi công vụ, tác phong của thí sinh dự tuyển công chức, bao gồm quy định tại các văn bản theo yêu cầu của chức danh dự tuyển như sau:

1. Phần nội dung văn bản dùng chung cho ngạch Kiểm tra viên trung cấp hải quan, ngạch Nhân viên hải quan và các vị trí dự tuyển:

(1) Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014;

(2) Quyết định số 65/2015/QĐ-TTg ngày 17/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính;

(3) Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

(4) Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của

Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

(5) Nghị định số 01/2015/NĐ-CP ngày 02/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết phạm vi địa bàn hoạt động Hải quan; trách nhiệm phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới;

(6) Nghị định số 12/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2015/NĐ-CP ngày 02/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết phạm vi địa bàn hoạt động Hải quan; trách nhiệm phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.

2. Phần nội dung văn bản đối với vị trí việc làm huấn luyện viên chó nghiệp vụ:

(1) Luật Phòng, chống ma túy số 73/2021/QH14;

(2) Thông tư số 57/2012/TT-BCA ngày 19/9/2012 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành việc nhập khẩu, quản lý, sử dụng, tiêu hủy mẫu các chất ma túy vì mục đích quốc phòng, an ninh;

(3) Thông tư số 16/2018/TT-BCA ngày 15/5/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

(4) Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

(5) Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BCA-BQP-BTC ngày 24/07/2009 của liên bộ Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quyết định số Quyết định số 41/2008/QĐ-TTg ngày 18/3/2008 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ bồi dưỡng đối với lực lượng chuyên trách đấu tranh chống tội phạm về ma túy;

(6) Quyết định số 3927/QĐ-TCHQ ngày 27/11/2015 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quy định về trang bị, quản lý, huấn luyện và sử dụng chó nghiệp vụ của ngành Hải quan: Quy định về quản lý mẫu vật phục vụ huấn luyện;

(7) Quyết định số 3200/QĐ-TCHQ ngày 29/9/2017 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định ban hành kèm theo Quyết định số 3927/QĐ-TCHQ ngày 27/11/2015;

(8) Quyết định số 2335/QĐ-TCHQ ngày 13/9/2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quy định tiêu chuẩn chức danh, chức trách, nhiệm vụ công chức làm công tác huấn luyện và sử dụng chó nghiệp vụ của lực lượng kiểm soát hải quan.

3. Phần nội dung văn bản đối với vị trí việc làm thuyền viên: Thuyền trưởng, Phó Thuyền trưởng, Máy trưởng, Máy hai, Thợ máy, Thủy thủ:

(1) Luật Hàng Hải Việt Nam số 95/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

(2) Luật Biển Việt Nam số 18/2012/QH13 ngày 21/6/2012;

(3) Thông tư số 03/2020/TT-BGTVT ngày 21/02/2020 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn, đào tạo huấn luyện thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu của tàu biển Việt Nam;

(4) Thông tư số 39/2019/TT-BGTVT ngày 15/10/2019 của Bộ Giao thông vận tải quy định trách nhiệm của chủ phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện, đảm nhiệm chức danh thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu trên phương tiện thủy nội địa;

(5) Quyết định số 128/QĐ-TCHQ ngày 24/6/2019 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quy định về quản lý kỹ thuật và quản lý, sử dụng phương tiện thủy ngành Hải quan;

(6) Quyết định số 2328/QĐ-TCHQ ngày 14/9/2020 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quy định tiêu chuẩn chức danh, chức trách, nhiệm vụ; định biên an toàn tối thiểu thuyền viên trên tàu thuyền tuần tra, kiểm soát Hải quan.